TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 324/2020/HS-PT
Ngày 16 tháng 6 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Đặng Văn Ý

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 570/2018/TLPT-HS ngày 10 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn Th; Do có kháng cáo của bị cáo, nguyên đơn dân sự đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2018/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Bị cáo:*

Nguyễn Văn Th, sinh ngày 22/11/1978; thường trú: thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; Chỗ ở: ấp 5, xã P, huyện Nh, Thành phố Hồ Chí Minh; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L; Có vợ là bà Nguyễn Thị L; Con có 02 người; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/8/2017 đến nay. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Văn N – Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Nguyên đơn dân sự:* Công ty C (viết tắt là C)

Địa chỉ: Tòa nhà hỗn hợp S, đường Tr, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quang H - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Ngọc D. (có mặt)

Địa chỉ: tòa nhà F, đường K, quận Th, Thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Nguyễn Đăng Kh, sinh năm 1956; nguyên Phó giám đốc Công ty C. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ngõ 52, đường Q, Tổ 1, phường Tr1, quận C, Thành phố Hà Nội.

2/. Ông Trần Thế T, sinh năm 1978; Phó Giám đốc Công ty N. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

3/. Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng T

Người đại diện theo pháp luật: Ông P Thế Ng, sinh năm 1979; Giám đốc Công ty T. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường C, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/. Công ty Cổ phần kỹ thuật xây dựng T1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc M, sinh năm 1977; Giám đốc Công ty T1. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường 21, khu dân cư P, phường P, quận C, Thành phố Cần Thơ.

5/. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty C (viết tắt là C) tiền thân là công ty Nhà nước trực thuộc Tổng công ty X (nay là Tổng công ty cổ phần X) chính thức được chuyển đổi và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Quyết định số 2980/QĐ-BCN ngày 22/9/2005 của Bộ Công nghiệp (Nhà nước nắm giữ 52% vốn điều lệ) và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 vào ngày 02/4/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty hoạt động theo Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động xây lắp (sửa đổi lần 1), được ban hành kèm theo Quyết định số 99/QĐ-HĐQT-C ngày 03/4/2008 và quy chế tổ chức và quản lý hoạt động xây lắp (sửa đổi lần 2), được ban hành kèm theo Quyết định số 152/QĐ-C-HĐQT ngày 18/5/2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty C; vốn điều lệ 45.450.000.000 đồng, chuyên kinh doanh ngành, nghề: Hoàn Th công trình xây dựng; xây dựng nhà các loại; hoạt động xây dựng chuyên dụng khác với tổng số 26 ngành, nghề theo giấy phép kinh doanh. Công ty có trụ sở đặt tại tòa nhà hỗn hợp S, đường Tr, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội. Nguyễn Văn Th là nhân viên của Công ty C theo hợp đồng lao động số 13/HĐLĐC-HCNS ngày 30/11/2007.

Ngày 17/05/2011, Công ty C và Tập đoàn V ký hợp đồng thi công xây dựng số 44/2011/HĐXL/VTQĐ-BĐS về việc thi công và hoàn Th công trình tòa nhà V Cà Mau tại khóm 8, Phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Tổng giá trị hợp đồng là 33.880.000.000 đồng, thời gian thực hiện hợp đồng 445 ngày kể từ ngày khởi công. Ngày 01/6/2011, Công ty C có quyết định số 87/QĐ-C-KHĐT giao nhiệm vụ cho Nguyễn Văn Th giữ chức vụ Chỉ huy trưởng công trình, có trách nhiệm thi công và hoàn Th công trình tòa nhà V Cà Mau. Mức khoán chi phí cho đội thi công của bị cáo Th được hưởng là 94% giá trị thanh quyết toán xây lắp trước thuế. Theo quy chế tổ chức và quản lý hoạt động xây lắp của Công ty C kèm theo quyết định số 383/QĐ- HĐQT-C ngày 06/12/2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty (có sửa đổi bổ sung) quy định:

Trách nhiệm của đội là tổ chức thi công công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng mỹ quan, an toàn cho người, thiết bị và nhân tố thứ ba, thống kê hoạch toán theo chế độ tài chính và kế toán hiện hành, chịu trách nhiệm về toàn bộ công việc trong phạm vi nhiệm vụ được Giám đốc giao. Chịu trách nhiệm về tính pháp lý trước Nhà nước, cấp trên về hồ sơ và các chứng từ thanh quyết toán công trình. Được vay vốn công ty để phục vụ thi công các công trình nhận khoán. Giá trị vay không quá 60% chi phí vật tư theo tiến độ thi công, không quá 40% giá trị khối lượng thực hiện từng giai đoạn, phải đảm bảo khoản vay bằng tài sản thế chấp, theo quy định của pháp luật, trả lãi vay vốn hàng tháng theo lãi suất quy định của công ty, trả nợ vay đúng thời hạn. Được tạm ứng vốn khi công ty nhận được tiền của chủ đầu tư thanh toán, ứng và hoàn tất các thủ tục thanh toán tạm ứng của các đợt tạm ứng trước. Chủ động khai thác nguồn vật tư vật liệu, nhân lực phục vụ thi công đáp ứng tốt yêu cầu về tiến độ và chất lượng công trình. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, chậm nhất ngày 05 hàng tháng phải có các báo cáo: Giá trị sản lượng, doanh thu, báo cáo thu hồi vốn, chứng từ chi tiêu của tháng trước để kê khai thuế và làm thủ tục thanh toán tạm ứng. Nguyên tắc và nghĩa vụ của đội xây lắp là lập kế hoạch trình giám đốc công ty ký hợp đồng lao động đảm bảo các quyền lợi của người lao động, trả lương đúng hạn, trích nộp bảo hiểm cho người lao động theo hợp đồng lao động, trang bị bảo hộ, an toàn và vệ sinh lao động cho người lao động... báo cáo định kỳ theo biểu mẫu quy định và làm quyết toán tài chính về các khoản tiền công cho người lao động, tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiền vay, tiền thuê máy móc...

Nguyễn Văn Th bắt đầu thi công công trình tòa nhà V Cà Mau từ ngày 01/06/2011 đến tháng 12/2012 thì dừng không thi công tiếp do không đảm bảo tiến độ thi công theo yêu cầu của chủ đầu tư, bị chủ đầu tư phạt 517.830.145 đồng và cắt hợp đồng. Đến ngày 01/04/2013, bị cáo Th bàn giao lại công trình cho Công ty P. Trong quá trình thi công, bị cáo Th đã đề nghị Công ty C cho vay, cho tạm ứng và thanh toán chi phí công trình gồm: Tổng số tiền Công ty C chuyển khoản để mua vật liệu: 16.900.918.877 đồng, khi bị cáo Th bàn giao công trình cho Công ty P, giá trị vật liệu còn lại là: 417.684.511 đồng. Như vậy, số tiền Công ty C đã thanh toán cho bị cáo Th mua vật liệu là 16.483.234.366

đồng. Bị cáo Th nhận trực tiếp tiền mặt 4.016.620.771 đồng. Tổng số tiền nguyên vật liệu, chi phí nhân công Công ty C đã chuyển khoản và chi trực tiếp cho bị cáo Th: 20.917.539.648 đồng. Giá trị công trình được quyết toán về phần việc bị cáo Th đã thực hiện: 18.800.514.055 đồng. Giá trị đội được hưởng theo giá trị quyết toán: 17.578.326.832 đồng, số tiền bị cáo Th có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty C: 2.921.528.305 đồng tiền gốc (20.917.539.648đ - 17.578.326.832đ - 417.684.511đ). Trong số này, bị cáo Th có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của Công ty C ở các hợp đồng cụ thể như sau:

1/. Chiếm đoạt 965.386.400 đồng thông qua việc ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng N (gọi tắt Công ty N):

Theo quy chế hoạt động của Công ty C, bị cáo Th được quyền khai thác nguồn vật tư phục vụ cho Công trình tòa nhà V. Ngày 20/6/2012, bị cáo Th đề nghị ông Nguyễn Đăng Kh - Phó Giám đốc Công ty C ký Hợp đồng số 323/HĐKT-CAMAU và Hợp đồng số 324/KĐKT-CAMAU với ông Trần Thế T là Phó Giám đốc Công ty N thi công 2 hạng mục: Vách thạch cao, tấm trần thạch cao, tấm trần sợi khoáng và sơn tường, bả matit tường. Tổng giá trị 2 hạng mục trên là: 2.413.466.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, bị cáo Th làm đơn vay tiền của công ty theo quy chế. Công ty C đã chuyển tiền cho bị cáo Th lần 1 ngày 19/9/2012 số tiền 537.759.200 đồng, lần 2 ngày 23/10/2012 số tiền 427.627.200 đồng; tổng 2 lần chuyển tiền là 965.386.400 đồng. Th rút số tiền trên đưa cho vợ là Nguyễn Thị L lập một số tiết kiệm 500.000.000 đồng, mục đích để đảm bảo việc trả tiền cho các công ty, doanh nghiệp cung ứng vật tư cho công trình tòa nhà V Cà Mau và chi xài cá nhân, không sử dụng vào việc thi công Tòa nhà V Cà Mau. Công ty C đã nhiều lần có công văn yêu cầu Công ty N trả lại số tiền trên và lãi phát sinh nhưng không được.

Kết quả điều tra Công ty N do Nguyễn Văn Th làm Giám đốc, Trần Thế T làm Phó Giám đốc theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 2300376832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 06/03/2009. Công ty N có trụ sở tại xóm Đ, thôn T, xã T1, thị xã t2, tỉnh Bắc Ninh. Từ ngày thành lập đến nay không có hoạt động kinh doanh (doanh số kinh doanh của công ty N bằng không). Ngày 17/06/2012 Công ty phát hành 250 hóa đơn, đến ngày 26/03/2015 Công ty hủy 250 hóa đơn này.

2/. Chiếm đoạt 124.240.000 đồng từ việc ký hợp đồng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng T (gọi tắt Công ty T):

Ngày 12/10/2011, ông Nguyễn Đăng Kh ký hợp đồng số 552/HĐKT-CAMAU với ông P Thế Ng, Giám đốc Công ty T, về việc thi công lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chống sét và hệ thống cấp thoát nước cho tòa nhà V. Trị giá hạng mục công trình là 484.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, bị cáo Th 02 lần làm đơn xin ứng 15% giá trị hợp đồng. Ngày 23/12/2011 và ngày 20/01/2013 Công ty C đã chuyển 145.200.000 đồng vào tài khoản của Công ty T. Theo ông P Thế Ng, Giám đốc Công ty T xác định có thuê Tạ Huỳnh Trung H cùng thực hiện lắp đặt điện nước tại tầng 1 và 2 tòa nhà V, nếu công trình

được quyết toán thì được thanh toán khoảng 20.000.000 đồng. Do ông Ng không thực hiện tiếp công việc nên phần tiền đã ứng ông Ng chuyển 03 lần số tiền 49.240.000 đồng vào tài khoản của bà Nguyễn Thị L theo yêu cầu của Th. Đến ngày 13/6/2013 Th trực tiếp nhận tiền mặt 75.000.000 đồng có viết biên nhận cho ông Ng. Khi nhận tiền Th có đưa biên bản thanh lý hợp đồng cho ông Ng ký để Th gửi cho Công ty C ký và hứa sẽ giao lại 01 bản cho ông Ng nhưng đến nay không giao. Như vậy, tổng cộng số tiền tạm ứng ông Ng đã giao trả lại cho Th là 124.240.000 đồng.

Kết quả điều tra bị cáo Th thừa nhận có nhận 124.240.000 đồng của ông Ng. Th có chi ra 20.000.000 đồng mua vật tư để ông Ng thi công tầng 1 và tầng 2 tòa nhà V. Th đồng ý với xác nhận của Công ty C về phần lắp đặt điện nước cho tòa nhà V cho đến nay chưa có biên bản xác nhận khối lượng thi công giữa Công ty C và Công ty P.

3/. Chiếm đoạt 69.892.130 đồng từ việc ký hợp đồng với Công ty cổ phần kỹ thuật xây dựng T1 (gọi tắt là Công ty T1):

Ngày 20/11/2011, ông Nguyễn Đăng Kh đại diện cho Công ty C ký hợp đồng kinh tế số 540/2011/HĐKT-CAMAU với Công ty T1 (đại diện là ông Nguyễn Khắc M - giám đốc công ty), về việc thi công cốp pha, thép, bê tông công trình tòa nhà V Cà Mau, tổng giá trị hợp đồng sau thuế 1. 934.350.000 đồng, gồm 02 hạng mục: Gia công, lắp dựng, tháo dỡ cốp dầm, sàn, cột, vách, đơn giá 127.000đ/m^2. Gia công, lắp dựng cốt thép cột, dầm, sàn, đơn giá 2.500đ/kg.

Ngày 16/4/2012, Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Khắc M, ký biên bản xác nhận khối lượng thực hiện, tổng giá trị Công ty T1 được thanh toán theo hợp đồng 540/2011/HĐKT-CAMAU ngày 20/11/2011 là 805.020.040 đồng. Trong đó: Gia công lắp đặt cốt pha tầng 2 và tầng 3 là 3.975,7m^2 x 139.700đ (bao gồm VAT) = 555.405.290đ. Gia công lắp đặt cốt thép tầng 2 và tầng 3 là 90.769kg x 2.750đ (bao gồm VAT) = 249.614.750đ. Công ty T1 đã xuất hóa đơn bán hàng ngày 09/01/2012 và ngày 01/11/2012 cho Công ty C và đã được Công ty C quyết toán xong Công ty T1.

Bên cạnh đó, Nguyễn Văn Th đại diện Công ty C và ông Nguyễn Khắc M đại diện Công ty T1 có ký Hợp đồng kinh tế cùng số 540/2011/HĐKT-CAMAU ngày 24/11/2011, có nội dung thi công cốt pha, thép, bê tông công trình tòa nhà V Cà Mau, tổng giá trị hợp đồng sau thuế 1.935.560.000đ, gồm 04 hạng mục: Gia công, lắp dựng, tháo dỡ cốp dầm, sàn, cột, vách, đơn giá 127.000đ/m^2. Gia công, lắp dựng cốt thép cột, dầm, sàn, đơn giá 1.800đ/kg. Bê tông cột, đơn giá 160.000đ/m^3. Bê tông dầm, sàn, cầu thang, vách thang máy, đơn giá 90.000đ/m^3.

Ngày 05/01/2012, tại bảng giá trị thực hiện đợt 1 và bảng khối lượng chi tiết thực hiện đợt 1, Nguyễn Khắc M xác nhận khối lượng và đơn giá thực hiện giá trị thanh toán đợt 1 là: (1) GCLD cốt pha cột, vách, dầm, sàn tầng 1 và tầng 2 là 1.931m^2 x 127.000đ = 245.274.160đ; (2) GCLD cốt thép cột, dầm, sàn tầng 2 là 39.170kg x 1.800đ = 70.506.000đ; (3) Đổ bê tông cột tầng 1 đến tầng 2 là

32,32m^3 x 160.000đ = 5.171.040đ. Tổng giá trị thanh toán đợt 1 là 353.046.320đ = (320.951.200d + 32.095.120đ (10% tiền VAT).

Ngày 01/11/2012, tại bảng giá trị thực hiện đợt 2 và bảng khối lượng chi tiết thực hiện đợt 2, Nguyễn Khắc M xác nhận khối lượng và đơn giá thực hiện giá trị thanh toán đợt 2 là: (1) GCLD cốt pha cột, vách, dầm, sàn tầng 2 lên tầng 3 là 2.010,7m^2 x 127.000đ = 255.361.554đ; (2) GCLD cốt thép cột, dầm, sàn tầng 3 là 50.900kg x 1.800đ = 91.620.000đ; (3) Đổ bê tông cột tầng 2 đến tầng 3 là 32,310m^3 x l60.000đ = 5.169.600đ; (4) Đổ bê tông vách 2 đến tầng 3 là 17,5m^3 x 90.000đ = 1.575.000đ; (5) Đổ bê tông dầm, sàn tầng 2 là 287,43m^3 x 90.000đ = 25.868.700đ; (6) Đổ bê tông dầm, sàn tầng 3 là 347,78m^3 x 90.000đ = 31.300.200đ. Tổng giá trị thanh toán đợt 2 là 451.984.560đ = 410.895.054đ + 41.089.505đ (10% VAT).

Như vậy, tổng giá trị thanh toán Công ty T1 thực hiện đợt 1 và đợt 2 là 805.030.880đ, Công ty C không quyết toán với Công ty T1.

Theo xác nhận của Công ty C, giá trị chênh lệch giữa Hợp đồng 540/2011/HĐKT-CAMAU ngày 20/11/2011 ký giữa Công ty C với Công ty T1 so với Hợp đồng 540/2011/HĐKT-CAMAU ngày 24/11/2011 ký giữa Nguyễn Văn Th với Công ty T1 là 69.892.130 đồng. Ông Nguyễn Khắc M, Giám đốc Công ty T1 thừa nhận số tiền chênh lệch giữa đơn giá của 02 hợp đồng trên (bao gồm VAT theo giá trị thanh toán) là 90.769kg x 770đ/kg (2.750 - (1.800 x 1,1) = 69.892.130đ là đúng, số tiền này Công ty T1 không chiếm đoạt của Công ty C, vì thực tế Công ty T1 thực hiện theo đúng Hợp đồng số 540/2011/HĐKT-CAMAU ngày 24/11/2011 (hợp đồng ghi nhớ giữa Công ty T1 với Nguyễn Văn Th).

Quá trình điều tra Nguyễn Văn Th thừa nhận số tiền chênh lệch 69.892.130đ, là chi phí nhân công hạng mục đổ bê tông cột tầng 1 đến tầng 2; đổ bê tông cột tầng 2 đến tầng 3; đổ bê tông vách 2 đến tầng 3; đổ bê tông dầm, sàn tầng 2; đổ bê tông dầm, sàn tầng 3; Th đã quyết toán vào phần chi phí nhân công trực tiếp và gián tiếp khống, trong khoản tiền lập khống hồ sơ công nhân để quyết toán 375.561.771 đồng. Như vậy, Nguyễn Văn Th đã thực hiện hành vi lập 02 hợp đồng với Công ty T1 có hai đơn giá khác nhau để chiếm đoạt số tiền chênh lệch 69.892.130 đồng mà Th đã quyết toán trong phần chi phí nhân công đổ bê tông cột, vách, dầm, sàn các tầng 1,2,3 của Tòa nhà.

Ngày 12/5/2016, Th đã rút số tiền tiết kiệm 500.000.000 đồng trả cho Công ty C. Ngày 24/11/2017 Công ty C có Công văn số 332/CV-C-TCHC xác nhận Th thanh toán công trình xây dựng ở tỉnh Yên Bái số tiền 167.807.970 đồng, Công ty C đã tạm chốt lại để trừ vào số nợ lãi vay Tòa nhà V Cà Mau. Tổng số tiền Th đã khắc phục là 667.807.970 đồng.

Tại Kết luận giám định tài chính ngày 10/7/2017 về việc vay, ứng tiền và thanh toán tiền xây dựng tòa nhà V của Nguyễn Văn Th gồm: Th đã ứng và vay của Công ty C: 20.917.539.648 đồng. Giá trị công trình được quyết toán về phần việc Th đã thực hiện: 18.800.514.055 đồng. Giá trị đội được hưởng theo giá trị

quyết toán: 17.578.326.832 đồng (94%). Số tiền đội của Th ứng thừa: 3.339.212.816 đồng (20.917.539.648đ - 17.578.326.832đ). Giá trị vật liệu còn dư Th giao cho Công ty P 417.684.511 đồng. Như vậy Th còn vay và ứng thừa của Công ty C là 2.921.528.305 đồng (3.339.212.816đ- 417.684.511đ).

Tổng số tiền thiệt hại của Công ty C (tiền nợ gốc) do hành vi vay ứng tiền của bị cáo Nguyễn Văn Th nhưng không thực hiện đầy đủ công việc là: 2.921.528.305 đồng. Trong đó: Thiệt hại do lỗi chủ quan của Th gây ra là: 1.486.148.171 đồng (vay ứng tiền trả Công ty N: 965.386.400 đồng; Công ty T: 145.200.000 đồng; lập khống danh sách công nhân để vay và ứng tiền: 375.561.771 đồng). Thiệt hại không xác định được lỗi chủ quan hay khách quan của Th gây ra là: 1.435.380.134 đồng. Ngày 12/5/2016 Th trả nợ cho Công ty C 500.000.000 đồng. Như vậy Công ty C còn thiệt hại là: 2.421.528.305 đồng. Không tính được lãi vay bị thiệt hại của Công ty C liên quan đến khoản nợ 2.921.528.305 đồng của Th. Trách nhiệm trực tiếp gây ra số tiền thiệt hại đó là do Nguyễn Văn Th chỉ huy công trình, trách nhiệm liên đới là ông Nguyễn Đăng Kh, Phó Giám đốc Công ty C là người được Giám đốc ủy quyền tổ chức, chỉ đạo, quản lý kinh tế gói thầu xây lắp Tòa nhà V Cà Mau.

Tại Kết luận giám định tài chính bổ sung ngày 20/11/2017 về việc vay, ứng tiền và thanh toán tiền xây dựng tòa nhà V của Nguyễn Văn Th gồm: Tổng số tiền Th vay, ứng của Công ty C là 20.917.539.648 đồng. Giá trị quyết toán do đội của Th thực hiện là: 18.800.514.055 đồng. Giá trị đội được hưởng theo giá trị quyết toán: 17.578.326.832 đồng (94%). Số tiền đội Th ứng thừa: 3.339.212.816 đồng (20.917.539.648 đồng - 17.578.326.832 đồng). Giá trị vật liệu còn dư Th giao cho Công ty P 417.684.511 đồng.

Như vậy Th còn vay và ứng thừa của Công ty C là 3.339.212.816 đồng - 417.684.511 đồng = 2.921.528.305 đồng. Đây là số tiền Th chiếm giữ của Công ty C và là số tiền C bị thiệt hại, Th phải trả lại cho Công ty C số tiền này, ngày 12/5/2016 Th mới trả cho Công ty C 500.000.000 đồng. Th còn nợ Công ty C là 2.421.528.305 đồng. Không đủ căn cứ để xác định Th có hành vi gửi giá vào các Công ty cung cấp vật tư để chiếm đoạt tiền gửi giá đó. Không đủ cơ sở xác định Th có chiếm đoạt các khoản tiền trích nộp bảo hiểm cho người lao động hay không. Qua việc thanh toán tiền lương công nhân, không đủ cơ sở kết luận Th có chiếm đoạt tiền của Công ty C hay không (bao gồm cả lương trực tiếp và lương gián tiếp).

Theo kết luận giám định ngày 10/7/2017 phần phân tích nội dung khoản nợ tại trang 4 và 5 có nêu ông Th ứng và vay thừa tiền nhân công 375.561.771 đồng là do tổng hợp thiếu tiền nhân công gián tiếp của ông Th 732.831.808 đồng, nay tổng hợp thêm khoản này thì không thấy ông Th ứng, vay thừa. Đồng thời tại trang 6 xác định tổng số tiền C bị thiệt hại 2.921.528.305đ, do lỗi chủ quan của Th gây ra là: 1.486.148.171 đồng, nay xác định lại trong số tiền bị thiệt hại của C 2.921.528.305 đồng, do lỗi chủ quan của Th là 1.110.586.400 đồng (gồm vay ứng tiền trả Công ty N: 965.386.400 đồng; Công ty T: 145.200.000 đồng), số tiền Công ty C bị thiệt hại không xác định được lỗi của Th là

1.810.941.905 đồng.

Ngoài ra, ngày 26/6/2017, Công ty C có Công văn số 160/CV-TCHC- C, đề nghị Cơ quan điều tra làm rõ các nội dung có liên quan đến quá trình gửi giá, kê khống giá trị thiết bị thuê để rút tiền của Công ty C giữa Nguyễn Văn Th và Công ty T1; làm rõ số tiền 200.000.000 đồng kê khống thời gian thuê thiết bị; theo bảng giải trình ngày 06/02/2017 của Nguyễn Văn Th thừa nhận kê khống tiền thuê thiết bị để chiếm đoạt của Công ty C 200.000.000 đồng. Cáo trạng xác định không chứng minh được việc Th chiếm đoạt số tiền gửi giá 851.655.000 đồng và việc thuê thiết bị của Công ty T1 là giao dịch dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2018/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản".

Về trách nhiệm hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 21/8/2017.

Cấm bị cáo Nguyễn Văn Th đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác tài chính, kinh tế trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Th bồi thường cho Công ty C (Công ty C) tổng số tiền là 2.253.720.335 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý các vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 10/9/2018, bị cáo Nguyễn Văn Th có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 14/9/2018, Công ty C (C) có đơn kháng cáo đề nghị xem xét trách nhiệm của những người liên quan gồm Công ty N, Công ty T, Công ty T1; xử lý trách nhiệm của Nguyễn Văn Th trong việc gửi giá hợp đồng mua bán vật liệu, thuê khoán nhân công chiếm đoạt 851.655.000 đồng và xem xét lại phần trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Th thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Công ty C (C) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thay đổi nội dung kháng cáo từ kêu oan sang giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản" là đúng quy định pháp luật. Về hình phạt, tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, tuyên phạt bị cáo từ 16 năm đến 18 năm tù. Kháng cáo của nguyên đơn dân sự Công ty C (C) không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Th trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; quá trình điều tra bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho Công ty C; gia đình bị cáo có thân nhân có công với cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết trên để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty C trình bày: Công ty C thống nhất với tội danh mà cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng đã thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, Công ty C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm của Công ty T1 trong vụ án. Ngoài số tiền chiếm đoạt như bản án sơ thẩm đã nêu, Công ty T1 còn cấu kết với bị cáo chiếm đoạt của Công ty C 200 triệu đồng ở hợp đồng thuê khoán thiết bị. Bị cáo Th cũng thừa nhận việc này và xác định Công ty T1 nhận số tiền trên nhưng không giao lại cho bị cáo. Song song với vụ án này còn 01 vụ án dân sự khác, Công ty T1 cấu kết với bị cáo Th chiếm đoạt của Công ty C số tiền 500 triệu nhưng bản án dân sự lại buộc Công ty C phải trả cho Công ty T1 số tiền 500 triệu đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án để điều tra bổ sung đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Th và Công ty C (C) làm trong hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Nguyễn Văn Th được Công ty C giao giữ chức vụ Chỉ huy trưởng công trình thi công và hoàn Th tòa nhà V Cà Mau. Do việc thi công công trình không đảm bảo tiến độ nên bị cáo Th phải bàn giao lại việc thi công công trình cho Công ty P thực hiện. Trong quá trình thi công, Công ty C đã chuyển cho bị cáo Th tổng cộng số tiền 20.917.539.648 đồng; giá trị công trình

đã thực hiện là 18.800.514.055 đồng; số tiền bị cáo Th còn phải trả về cho Công ty C là 2.921.528.305. Trong tổng số tiền phải trả lại, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tổng số tiền 1.159.518.530 đồng với 03 hành vi cụ thể: ký kết hợp đồng với Công ty N nhưng không thực hiện để chiếm đoạt 965.386.400 đồng; ký kết hợp đồng với Công ty T thực hiện một phần, không chuyển giá trị còn lại của hợp đồng về công ty chiếm đoạt 124.240.000 đồng và ký kết 02 hợp đồng khác nhau với Công ty T1 để chiếm đoạt tiền chênh lệch 69.892.130 đồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bị cáo Nguyễn Văn Th là người lao động của Công ty C và được phân công là Chỉ huy trưởng Đội thi công xây lắp công trình tòa nhà V Cà Mau theo Quyết định số 87/QĐ-C-KHĐT của Công ty C. Tại mục 7.2 Điều 2 Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động xây lắp Công ty C ban hành kèm theo Quyết định số 99/QĐ-HĐQT-CIPT ngày 03/4/2008 quy định nghĩa vụ của Đội xây lắp như sau: *"Lập kế hoạch trình Giám đốc Công ty ký hợp đồng lao động, hợp đồng mua bán vật tư, thuê thiết bị...."*. Như vậy, đội xây lắp không có quyền ký các các hợp đồng mua bán vật tư, thuê thiết bị, hợp đồng lao động... Bị cáo Th với chức trách là đội trưởng đội thi công (đội xây lắp) chỉ tiến hành đề xuất, việc thực hiện hay không thực hiện thuộc thẩm quyền quyết định của Công ty C, không phải của bị cáo. Thực tế, Th không phải là người đại diện C ký các hợp đồng với Công ty N, T và T1 mà người đại diện là ông Nguyễn Đăng Kh (Phó Giám đốc công ty). Cấp sơ thẩm kết luận bị cáo lạm dụng chức vụ, quyền hạn của mình để ký kết hợp đồng với Công ty N, T và T1 chiếm đoạt tài sản là chưa đúng về mặt chủ thể.

[2.2] Đối với hành vi ký kết hợp đồng với Công ty N:

Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/10/2015 (BL508), bị cáo thừa nhận Công ty N do bị cáo thành lập, bị cáo đề xuất Công ty C ký hợp đồng với Công ty N với mục đích để Công ty C chuyển tiền cho bị cáo sau đó sử dụng một phần cho công trình và một phần cho cá nhân. Kết quả điều tra xác định được Công ty N là công ty khống, do bị cáo và Trần Thế T thành lập, thực tế không có hoạt động kinh doanh. Như vậy, bị cáo Th đã sử dụng thủ đoạn gian dối để Công ty C tin tưởng và ký kết Hợp đồng 323/HĐKT- CAMAU và Hợp đồng số 324/KĐKT-CAMAU, trên cơ sở đó chuyển tiền cho bị cáo sử dụng. Hành vi này có dấu hiệu của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội "Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản" là chưa phù hợp.

Ngoài ra, khi xem xét hành vi này thì cần đánh giá vai trò của Nguyễn Đăng Kh – Phó Giám đốc Công ty C và Trần Thế T – Phó Giám đốc Công ty N. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải điều tra làm rõ Nguyễn Đăng Kh có biết việc ký kết các hợp đồng này là hợp đồng khống hay không? Có đồng phạm với Nguyễn Văn Th hay không? Riêng đối với Trần Thế T, tại bản tự khai ngày 10/9/2015 và biên bản ghi lời khai ngày 03/10/2017 (BL594-597), T khai biết Nguyễn Văn Th hiện đang là Đội trưởng thi công công trình Tòa nhà V Cà Mau nên đã giúp bị cáo Th đại diện Công ty N ký 02 hợp đồng 323/HĐKT- CAMAU

và 324/KĐKT-CAMAU nhằm mục đích để C chuyển tiền cho bị cáo Th, thực tế hợp đồng không được thực hiện. Do đó, cũng cần phải điều tra làm rõ hành vi của Trần Thế T có đồng phạm với Nguyễn Văn Th trong việc chiếm đoạt tài sản của Công ty C hay không.

[2.3] Đối với hành vi ký kết hợp đồng với Công ty T:

Xét thấy, hợp đồng giữa C và Công ty T thực tế có thực hiện. Lời khai của ông Phạm Nguyễn Thế Ng tại các biên bản ghi lời khai ngày 15/9/2017 và ngày 16/9/2017 (BL1938-1943) xác định có thực hiện việc lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chống sét và hệ thống cấp thoát nước cho tòa nhà V tại tầng 1 và tầng 2; sau đó, do thấy làm không có lời nên ông Ng quyết định không tiếp tục thực hiện hợp đồng số 552/HĐKT-CAMAU nữa và đã chuyển lại tiền ứng cho Nguyễn Văn Th; hai bên chưa tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng. Bị cáo Nguyễn Văn Th thừa nhận có nhận số tiền 124.240.000 đồng do Công ty T bàn giao lại; bị cáo có trách nhiệm trả lại cho C và sẽ thực hiện chứ không chiếm đoạt. Ngày 05/6/2017, Công ty C có văn bản số 274/CV-C-TCHC (BL2635) trình bày ý kiến như sau: *"Đến thời điểm hiện tại giữa C và Công ty T không có bất cứ biên bản xác nhận khối lượng công việc đã hoàn thành nào có liên quan đến hợp đồng đã ký kết"*.

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn Th được giao giữ chức vụ Chỉ huy trưởng công trình theo Quyết định số 87/QĐ-C-KHĐT ngày 01/6/2011, trong đó nêu rõ trách nhiệm và quyền lợi của Chỉ huy trưởng công trình như sau: *"Được vay vốn để phục vụ thi công theo quy chế của Công ty; Được tạm ứng và thanh quyết toán giá trị khối lượng hoàn thành theo tiến độ thanh toán của Chủ đầu tư theo quy chế công ty"*. Đồng thời, tại Chương VII của Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động xây lắp Công ty C ban hành kèm theo Quyết định số 99/QĐ-HĐQT-CIPT ngày 03/4/2008 cũng quy định về chế độ quản lý tài chính như sau: Công ty có trách nhiệm *"Ứng chi phí giao khoán cho các đơn vị nhận khoán...; quyết toán với đơn vị nhận khoán sau 30 ngày kể từ ngày có quyết toán A-B đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc thanh lý hợp đồng"*. Như vậy, khi Hợp đồng 552/HĐKT-CAMAU giữa Công ty T và Công ty C chưa được thanh lý và tất toán, số tiền ứng hiện vẫn là dư nợ phải hoàn trả. Cấp sơ thẩm quy kết bị cáo chiếm đoạt số tiền này là chưa đủ cơ sở.

[2.4] Đối với hành vi ký kết hợp đồng với Công ty T1:

Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Khắc M – đại diện Công ty T1 trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm đều thừa nhận có sự tồn tại của 02 hợp đồng kinh tế khác nhau Hợp đồng số 540/2011/HĐKT-CAMAU ngày 20/11/2011 và Hợp đồng số 540/2011/HĐKT-CAMAU ngày 24/11/2011, trong đó hợp đồng ngày 24/11/2011 có đơn giá thi công thấp hơn (1.800/kg) và là hợp đồng được thực hiện trên thực tế. Cấp sơ thẩm xác định giá trị chênh lệch của hai hợp đồng là (90.769kg x (2.750-(1.800x1,1) = 69.892.130 đồng trên cơ sở có sự khác nhau về đơn giá thi công của 02 hợp đồng và quy kết bị cáo có hành vi gian dối để chiếm đoạt số tiền này.

Tuy nhiên, theo biên bản xác nhận khối lượng công việc ngày 16/4/2012 giữa Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Khắc M thì tổng giá trị Công ty T1 được thanh toán theo Hợp đồng số 540/2011/HĐKT-CAMAU ngày 20/11/2011 là 805.020.040 đồng. Công ty T1 đã xuất hóa đơn bán hàng cho Công ty C và hai bên đã quyết toán xong. Đối với Hợp đồng số 540/2011/HĐKT-CAMAU ngày 24/11/2011, theo bảng giá trị thanh toán đợt 01 ngày 05/01/2012 và bảng giá trị thanh toán đợt 2 ngày 01/11/2012 thì tổng khối lượng thanh toán của 02 đợt là 805.030.880 đồng.

Như vậy, giá trị thanh toán của hợp đồng ngày 24/11/2011 (hợp đồng thực tế thực hiện) lớn hơn giá trị thanh toán của hợp đồng ngày 20/11/2011 mà Công ty C đã được quyết toán. Điều đó cho thấy mặc dù hợp đồng ngày 24/11/2011 có đơn giá thi công thấp hơn nhưng giá trị thanh toán lại lớn hơn. Công ty C đã được quyết toán bằng hợp đồng có giá trị thanh toán thấp hơn. Hội đồng xét xử nhận thấy việc xác định giá trị tài sản chiếm đoạt trong hành vi này của bị cáo còn có sự mâu thuẫn.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của Nguyễn Văn Th trong quá trình điều tra tại bút lục 542, 556 thừa nhận có sự chênh lệch số tiền 69.892.130 đồng, bị cáo đã quyết toán vào phần chi phí nhân công trực tiếp và gián tiếp khống trong khoản tiền lập khống hồ sơ nhân công nhằm quyết toán 375.561.771 đồng để quy kết bị cáo chiếm đoạt. Tuy nhiên, tại kết luận giám định tài chính bổ sung ngày 20/11/2017 (BL155-158) xác định không có việc Nguyễn Văn Th chiếm đoạt tiền của Công ty C thông qua việc thanh toán lương công nhân, đồng thời kết luận *"Nay xác định số tiền 2.921.528.305 đồng mà C bị thiệt hại có số tiền bị thiệt hại do lỗi chủ quan của ông Th là 1.110.586.400 đồng; gồm tiền vay trả cho Công ty N và vay trả cho Công ty T; Số tiền không xác định được lỗi của ông Th là 1.810.941.905 đồng"*. Như vậy, kết luận tài chính không xác định bị cáo Th có lỗi trong việc ký kết hợp đồng với Công ty T1 gây thiệt hại.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc quy kết hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản đối với bị cáo Nguyễn Văn Th là chưa đúng về mặt chủ thể, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, việc điều tra chưa đầy đủ, còn nhiều mâu thuẫn mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo quy định pháp luật.

Do hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư bào chữa cho bị cáo về việc giảm nhẹ hình phạt. Đồng thời, Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của nguyên đơn dân sự Công ty C. Các nội dung Công ty C yêu cầu sẽ được giải quyết trong quá trình điều tra, xét xử lại vụ án.

[3] Do hủy bản án sơ thẩm nên bị cáo Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Th và nguyên đơn dân sự Công ty C (C).

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2018/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau điều tra lại theo quy định pháp luật.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn Th cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý lại hồ sơ vụ án.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn Th không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Cà Mau (2);
- Đương sự (1);
- Lưu VP (3), HS (2). 15b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng